

ĐỀ ÁN

**Cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh
giai đoạn 2026 - 2030**

Phần thứ nhất

SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh là nhiệm vụ quan trọng, cấp bách, cần ưu tiên tập trung để tháo gỡ khó khăn, loại bỏ các rào cản, khơi thông các điểm nghẽn về thể chế và thực thi, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh lành mạnh, bình đẳng để cùng phát triển cho tất cả các thành phần kinh tế. Đề án cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2026-2030 là cơ sở để các ngành, các cấp xây dựng và triển khai các kế hoạch, giải pháp cụ thể trong từng lĩnh vực quản lý nhà nước nhằm cải thiện chất lượng điều hành kinh tế - xã hội của tỉnh; thống nhất nhận thức, hành động của các ngành, các cấp và nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị. Để góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030; xuất phát từ thực tiễn nêu trên, việc xây dựng Đề án “Cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026- 2030” là cần thiết với mục tiêu khắc phục được những tồn tại, hạn chế trong thời gian qua; hướng đến tạo lập được môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, thông thoáng, hấp dẫn hơn nhằm đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững.

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025.
- Luật Đầu tư ngày 11/12/2025.
- Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020 năm 2020; Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp ngày có hiệu lực từ 01/7/2025.
- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12/6/2017.

- Nghị định số 80/2021/NĐ-CP, ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Nghị quyết 59-NQ/TW, ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về Hội nhập quốc tế trong tình hình mới.

- Nghị quyết 68-NQ/TW, ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân.

- Nghị quyết số 76/NQ-CP, ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030.

- Nghị quyết số 02/NQ-CP, ngày 08/01/2026 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2026.

- Quyết định số 749/QĐ-TTg, ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 292/QĐ-UBND, ngày 09/2/2026 về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Nghị quyết số 01-NQ/ĐH, ngày 23/9/2025 của Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030;

- Chương trình hành động số 17-CTr/TU ngày 28/02/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng;

- Chương trình hành động số 04-CTr/TU ngày 27/10/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ I, nhiệm kỳ 2026-2030;

- Đề án số 15-ĐA/TU, ngày 10/12/2025 của Tỉnh ủy Thái Nguyên về Đề án phát triển kinh tế tư nhân tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026- 2030;

- Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI);

- Kết quả thực hiện Đề án cải thiện môi trường đầu tư và kết quả thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025.

Phần thứ hai

KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ, NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP TỈNH GIAI ĐOẠN 2021-2025

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

Để triển khai thực hiện tốt công tác cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, UBND tỉnh Thái Nguyên đã chỉ đạo các cấp, các ngành tạo điều kiện thuận lợi nhất cho doanh nghiệp phát triển sản xuất, kinh doanh; tạo dựng môi trường đầu tư kinh doanh thông thoáng, thuận lợi nhất cho doanh nghiệp hoạt động. UBND tỉnh đã giao nhiệm vụ cụ thể cho từng ngành, thành viên Ban Chỉ đạo, bám sát các nội dung ngành, lĩnh vực phụ trách theo từng mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Đề án để các đơn vị xây dựng kế hoạch cụ thể triển khai thực hiện⁽¹⁾.

2. Kết quả thực hiện mục tiêu

Công tác cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2021-2025 được UBND tỉnh đề ra những mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp xây dựng môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, bình đẳng, minh bạch, hấp dẫn, thuận tiện; nâng cao hiệu quả, quản lý nhà nước về đầu tư, kinh doanh...; triển khai đồng bộ, có hiệu quả các cơ chế, chính sách nhằm thu hút, khuyến khích, hỗ trợ, thúc đẩy phát triển các thành phần kinh tế trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên nhanh và bền vững; duy trì chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh luôn trong nhóm những tỉnh có chất lượng điều hành tốt của cả nước. Giai đoạn 2021-2025 công tác triển khai thực hiện 10 mục tiêu của Đề án đề ra đã đạt kết quả như sau:

¹UBND tỉnh đã thường xuyên quan tâm chỉ đạo, ban hành các Văn bản triển khai, cụ thể: Quyết định kiện toàn ban chỉ đạo và tổ chuyên viên giúp việc Ban chỉ đạo thực hiện Đề án Cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh tỉnh Thái Nguyên: Số 1305/QĐ-UBND ngày 28/4/2024, Số 1052/QĐ-UBND ngày 16/05/2022, Số 2459/QĐ-UBND ngày 11/10/2024, Số 1286/QĐ-UBND ngày 28/4/2025, Số 305/QĐ-UBND ngày 22/7/2025. Quyết định số 2704/QĐ-UBND ngày 18/8/2021 của UBND tỉnh về việc Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025. Quyết định số 4186/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND tỉnh về việc Phê duyệt Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và địa phương trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Kế hoạch tổ chức thực hiện Nghị quyết của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hằng năm: Số 05/KH-UBND ngày 19/01/2022; Số 15/KH-UBND ngày 19/01/2022; Số 10/KH-UBND ngày 18/01/2023; Số 06/KH-UBND ngày 18/01/2024; Số 14/KH-UBND ngày 18/01/2025. Kế hoạch đối thoại giữa Lãnh đạo tỉnh với cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh: Số 16/KH-UBND ngày 17/3/2022 Số 148/KH-UBND ngày 9/8/2024, Số 152/KH-UBND ngày 06/12/2025. Kế hoạch triển khai khảo sát đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và địa phương (DDCI) của tỉnh: Số 27/KH-UBND ngày 23/2/2023, Số 210/KH-UBND ngày 20/12/2023; Số 166/KH-UBND ngày 16/12/2025. Kế hoạch số 116/KH-UBND ngày 03/8/2022 của UBND tỉnh về tổ chức Hội nghị tập huấn công tác nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2022. Kế hoạch tổ chức Hội nghị đánh giá Chỉ số PCI; công bố kết quả Chỉ số: Số 102/KH-UBND ngày 01/7/2022; Số 113/KH-UBND ngày 06/6/2023, Số 106/KH-UBND ngày 07/6/2024.

- Có 08/10 mục tiêu cơ bản đạt mục tiêu đề ra:

(1) Mục tiêu từ 2021-2025, phân đầu bình quân mỗi năm có trên 800 doanh nghiệp được thành lập mới, đạt mục tiêu đề ra².

(2) Mục tiêu thu ngân sách nhà nước từ khối doanh nghiệp vừa và nhỏ tăng bình quân 10-12%, đạt và vượt mục tiêu đề ra (*bình quân 5 năm đạt 12,1%*) Trong đó: năm 2021 thu 1.477,581 tỷ đồng, giảm 1,59% so với năm 2020; năm 2022 thu 1.762,993 tỷ đồng, tăng 19,3% so với năm 2021; năm 2023 thu 2.146,918 tỷ đồng, tăng 21,8% so với năm 2022; năm 2024 thu 2.499,387 tỷ đồng, tăng 4% so với năm 2023; năm 2025 thu 2.857,034 tỷ đồng, tăng 14% so với năm 2024.

(3) Kết quả thực hiện cải cách thủ tục hành chính cho doanh nghiệp: Đã thực hiện rút ngắn thời gian đăng ký doanh nghiệp từ 03 ngày xuống còn 02 ngày; thời gian thẩm tra, thẩm định hồ sơ chấp thuận chủ trương đầu tư dự án từ 35 ngày xuống còn 25 ngày; rút ngắn thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư từ 15 ngày xuống còn 10 ngày, đạt mục tiêu đề ra.

(4) Thẩm định điều kiện giao đất, thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư, đã rút ngắn thủ tục từ 20 ngày xuống còn không quá 15 ngày; thủ tục đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản khác gắn liền với đất không quá 10 ngày, đã đạt mục tiêu đề ra.

(5) Rút ngắn thời gian thực hiện các thủ tục: Thẩm định dự án, thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, cấp phép xây dựng theo quy định từ 75 ngày xuống còn không quá 60 ngày, đạt mục tiêu đề ra.

(6) Phân đầu đến năm 2025, trên 90% các thủ tục hành chính được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 (*dịch vụ công trực tuyến toàn trình*), đạt mục tiêu đề ra.

(7) Trung bình mỗi năm, tạo quỹ đất sạch từ 200 ha - 300 ha³, để thu hút đầu tư, tạo mặt bằng thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu tư, tạo giá trị sản xuất công nghiệp, giải quyết việc làm cho lao động tại địa phương, đạt mục tiêu đề ra.

(8) Mục tiêu đến năm 2025, trên 95% các doanh nghiệp thực hiện khai, nộp thuế, hoàn thuế điện tử, đến nay các doanh nghiệp thực hiện khai, nộp thuế, hoàn thuế điện tử đạt 100%, đạt mục tiêu đề ra.

²(?) Trong đó: Năm 2021 cấp mới 896 doanh nghiệp; năm 2022 cấp mới 939 doanh nghiệp; năm 2023 cấp mới 1.099 doanh nghiệp; năm 2024 cấp mới 1.100 doanh nghiệp, năm 2025 cấp mới 1.928 doanh nghiệp. Lũy kế đến hết năm 2025 tổng số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh là 14.567 doanh nghiệp với tổng số vốn đăng ký là 196.059 tỷ đồng.

³(?) Trong đó: Khu công nghiệp (KCN) Sông Công giai đoạn I, II là 370 ha; KCN Yên Bình 3 là 180 ha. Cụm công nghiệp: Cây Bòng 15ha, Trúc Mai 27 ha, Hạnh Phúc 73 ha, Bảo Lý 27 ha, Nguyên Gon 15 ha, Khuynh Thạch 19 ha, Tân Đức 73 ha, Kha Sơn 11 ha, Diềm Thụy 44 ha, Tân Phú 1 74 ha, Số 3 Đa Phúc 19 ha, Tân Dương 13 ha, Phú Lạc 2 16 ha, Sơn Cẩm 1 70ha, Sơn Cẩm 3 20 ha, Quang Sơn 15 ha, An Khánh 1 43 ha.

- Có 02/10 mục tiêu không đạt:

(1) Mục tiêu nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh và cải thiện các chỉ số thành phần, phần đầu trong nhóm 10 tỉnh xếp hạng PCI trong cả nước (phần đầu 10/10 chỉ số thành phần PCI của tỉnh đạt trên mức trung bình chung của cả nước)⁽⁴⁾.

(2) Giá trị xuất khẩu địa phương tăng bình quân từ 11%/ năm trở lên, Kết quả thực hiện 2021 - 2025 đạt 8,8%, không đạt mục tiêu đề ra⁽⁵⁾.

II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN

1. Tồn tại, hạn chế

- Còn 02 mục tiêu cụ thể chưa hoàn thành theo mục tiêu của Đề án đề ra.

- Nhiều doanh nghiệp tham gia đánh giá chỉ số PCI trên địa bàn tỉnh chưa tham gia vào các Hiệp hội, Hội doanh nghiệp nên việc tiếp cận các nội dung hỗ trợ còn hạn chế, nên việc đánh giá chỉ số PCI còn chưa chính xác.

- Hoạt động xúc tiến đầu tư gặp nhiều khó khăn do đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp trong gần 02 năm, công tác xúc tiến đầu tư của tỉnh chủ yếu thông qua hình thức gửi tài liệu xúc tiến đầu tư, truyền tải thông điệp mời gọi đầu tư trên Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh (nay là Báo và phát thanh, truyền hình Thái Nguyên), giới thiệu quảng bá trên website.

- Công tác phối hợp giữa các sở, ngành và UBND cấp huyện (nay là cấp xã) trong việc hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, theo dõi, giải quyết những khó khăn, vướng mắc đối với các dự án còn hạn chế, có lúc còn chưa kịp thời, nhất là các dự án có liên quan đến công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng.

- Việc giải quyết thủ tục hành chính thời gian qua đã đạt nhiều kết quả tích cực, tuy nhiên vẫn còn số ít hồ sơ tồn đọng, trả quá hạn; thủ tục hành chính còn nhiều bất cập, nhất là đối với lĩnh vực đầu tư, đất đai, xây dựng,...

⁴ Năm 2021, Chỉ số PCI của tỉnh xếp hạng 28/63 tỉnh thành trong cả nước, với số điểm tổng hợp đạt 64,81 điểm (giảm 1,75 điểm, giảm 17 bậc so với năm 2020). Năm 2022 xếp thứ hạng 25/63 tỉnh, thành trong cả nước với số điểm đạt được là: 66,10 điểm (tăng 1,29 điểm), tăng 3 bậc so với năm 2021. Năm 2023 xếp thứ hạng 23/63 tỉnh, thành trong cả nước với số điểm đạt được là: 67,48 điểm (tăng 1,38 điểm), tăng 2 bậc xếp hạng so với năm 2022. Năm 2024 xếp thứ hạng 26/63 tỉnh, thành trong cả nước với số điểm đạt được là: 68,13 điểm (tăng 0,65 điểm), giảm 3 bậc xếp hạng so với năm 2023 và nằm trong nhóm 30 tỉnh, thành phố có chất lượng điều hành tốt nhất cả nước; Năm 2025 nằm trong nhóm 30 tỉnh, thành phố có chất lượng điều hành tốt nhất cả nước.

⁵ Trong đó: Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu năm 2021 đạt 29.090 triệu USD, tăng 19% so với cùng kỳ, trong đó, xuất khẩu địa phương đạt 591,4 triệu USD, tăng 16,7% so với cùng kỳ. Năm 2022 đạt 29.880 triệu USD, tăng 2,7% so với cùng kỳ, trong đó, xuất khẩu địa phương đạt 699,3 triệu USD, tăng 18,2% so với cùng kỳ. Năm 2023 đạt 25.711 triệu USD, giảm 13,94% so với cùng kỳ, trong đó, xuất khẩu địa phương đạt 719 triệu USD, tăng 2,67% so với cùng kỳ. Năm 2024 đạt 27.560 triệu USD, tăng 7,2% so với cùng kỳ, trong đó, xuất khẩu địa phương ước đạt 715 triệu USD, giảm 0,5% so với cùng kỳ. Năm 2025 đạt 29.925 triệu USD, tăng 9% so với cùng kỳ, trong đó, xuất khẩu địa phương đạt 736 triệu USD, tăng 3% so với cùng kỳ.

- Hạ tầng, cơ sở vật chất, phần mềm công nghệ thông tin, chuyển đổi số, chính quyền số đã được đầu tư, tuy nhiên nguồn lực để thực hiện chính quyền số, chuyển đổi số của tỉnh còn gặp bất cập; một số phần mềm do Bộ, ngành Trung ương triển khai không kết nối liên thông, đồng bộ dữ liệu với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh.

- Hạ tầng một số khu, cụm công nghiệp mặc dù quan tâm đầu tư nhưng chưa được đầu tư đồng bộ; chưa thu hút được nhiều nhà đầu tư.

2. Nguyên nhân

a) Nguyên nhân chủ quan

- Một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa nhận thức rõ tầm quan trọng của việc cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh, nâng cao chất lượng cải cách hành chính nhà nước, trong khi đòi hỏi của doanh nghiệp, nhân dân về chất lượng điều hành của tỉnh ngày càng cao.

- Việc hướng dẫn cho các tổ chức và doanh nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính có lúc còn chưa đầy đủ và kịp thời nên tỷ lệ hài lòng của cá nhân, doanh nghiệp đối với chính quyền tại một số địa phương, trong một số lĩnh vực bị giảm.

- Chất lượng công tác tham mưu, đề xuất giải quyết những vấn đề phức tạp của một số sở, ngành còn hạn chế.

b) Nguyên nhân khách quan

- Tình hình kinh tế - chính trị thế giới tiếp tục có nhiều khó khăn, thách thức. Xung đột Nga - Ukraine, khu vực Trung Đông có nhiều diễn biến phức tạp, đã xuất hiện thêm các “điểm nóng” xung đột, chiến tranh cục bộ đến cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn diễn ra gay gắt.

- Do ảnh hưởng của dịch bệnh, thiên tai đã ảnh hưởng đến tình hình sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp (*dịch Covid-19 từ 2021 đến 2023, cơn bão Yagi năm 2024 và cơn bão Matmo 2025*).

- Mức độ hiểu biết pháp luật, các quy định của nhà nước của một số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chưa đồng đều; số lượng doanh nghiệp tham gia các hội, hiệp hội chiếm số lượng nhỏ trên tổng số doanh nghiệp toàn tỉnh, do vậy công tác tuyên truyền, phổ biến văn bản quy phạm pháp luật, văn bản mới của tỉnh còn hạn chế, hiệu quả chưa cao; việc khảo sát, đánh giá bộ Chỉ số PCI cấp tỉnh do Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tiến hành hằng năm chưa được các doanh nghiệp quan tâm do đó việc trả lời câu hỏi còn thiếu chính xác.

- Thủ tục hành chính do các Bộ, ngành tham mưu ban hành thay đổi; một số chưa thống nhất, chưa công bố kịp thời, địa phương chỉ có thẩm

quyền đề xuất, kiến nghị đơn giản hóa.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Với sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và nỗ lực của các cấp, các ngành, địa phương, trong giai đoạn 2021 - 2025, công tác cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Công tác cải cách hành chính được tiến hành thường xuyên, liên tục, công tác hỗ trợ doanh nghiệp, thu hút đầu tư, đồng hành cùng doanh nghiệp của các cấp chính quyền được triển khai đồng bộ, kịp thời. Việc tổ chức các hội nghị đối thoại giữa Lãnh đạo tỉnh, lãnh đạo các sở, ngành, địa phương với công đồng doanh nghiệp được tổ chức thường xuyên để lắng nghe, tiếp thu và kịp thời giải quyết các khó khăn vướng mắc của người dân, doanh nghiệp đã tạo môi trường kinh doanh thông thoáng, có sức hấp dẫn tạo điều kiện cho nhà đầu tư trong và ngoài nước tin tưởng, mạnh dạn, yên tâm đầu tư. Chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh do Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam khảo sát, đánh giá, xếp hạng hằng năm, tỉnh Thái Nguyên luôn nằm trong nhóm các tỉnh, thành phố có chất lượng điều hành tốt nhất cả nước.

Phần thứ ba

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

I. QUAN ĐIỂM

1. Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh Thái Nguyên theo hướng thực chất, đồng bộ, bền vững, lấy doanh nghiệp và người dân làm trung tâm phục vụ, lấy hiệu quả điều hành của chính quyền các cấp làm động lực, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên nhiệm kỳ 2025-2030 và các nghị quyết, chỉ thị, kết luận, đề án của Trung ương, của Tỉnh ủy.

2. Tập trung xây dựng chính quyền kiến tạo phát triển, liêm chính, hành động, phục vụ, nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số toàn diện; tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, minh bạch, an toàn, chi phí thấp, đủ sức cạnh tranh với các địa phương trong khu vực và cả nước.

3. Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh phải gắn chặt với: Thực hiện các đột phá chiến lược về phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại, công nghệ cao; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn. Phát triển mạnh khu công nghiệp, cụm công nghiệp; thu hút có chọn lọc các dự án đầu tư, nhất là dự án công nghệ cao, giá trị gia tăng lớn, thân thiện môi trường. Tăng

cường liên kết vùng, phát huy hiệu quả lợi thế của tỉnh Thái Nguyên trong Vùng Thủ đô Hà Nội và khu vực trung du, miền núi phía Bắc.

4. Việc triển khai và kết quả thực hiện phải bảo đảm rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thời hạn, rõ kết quả, gắn với đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Cụ thể hóa nội dung Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên nhiệm kỳ 2025 - 2030 và các nghị quyết, chỉ thị, kết luận, đề án của Trung ương, của Tỉnh ủy về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, của tỉnh.

- Xây dựng môi trường đầu tư, kinh doanh của tỉnh Thái Nguyên thuộc nhóm dẫn đầu vùng trung du, miền núi Bắc Bộ, từng bước tiệm cận nhóm tốt nhất cả nước; tạo động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững, góp phần đưa Thái Nguyên trở thành trung tâm công nghiệp hiện đại, có thu nhập trung bình cao trước năm 2030 theo định hướng Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025-2030.

- Đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm nhằm cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh theo hướng tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn, nút thắt; khắc phục những tồn tại, hạn chế của môi trường đầu tư kinh doanh để tạo môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh thông thoáng, hấp dẫn và trở thành địa chỉ tin cậy của các doanh nghiệp, nhà đầu tư.

- Triển khai đồng bộ, có hiệu quả các cơ chế, chính sách để thu hút các dự lớn đầu tư vào tỉnh; cải thiện, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh trong giai đoạn 2026-2030.

2. Mục tiêu cụ thể

- Nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), phấn đấu vị trí xếp hạng PCI của tỉnh hàng năm nằm trong nhóm các tỉnh, thành phố có chất lượng điều hành tốt nhất cả nước.

- Cải thiện, nâng cao điểm số các chỉ số thành phần PCI còn hạn chế, nhất là: Chỉ số chi phí thời gian; tính minh bạch; chi phí không chính thức; cạnh tranh bình đẳng; tiếp cận đất đai.

- Tiếp tục nâng cao Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX); Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính (SIPAS); Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), phấn đấu các chỉ số nằm trong топ đầu của cả nước.

- Phân đầu bình quân mỗi năm tăng từ 15 - 20% doanh nghiệp được thành lập mới.
- Trung bình mỗi năm, tạo quỹ đất sạch từ 400 - 600 ha để thu hút đầu tư.
- Tiếp tục đơn giản hóa thủ tục hành chính, rút ngắn tối thiểu 30% thời gian giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến lĩnh vực đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường, thuế, hải quan.
- Đến năm 2030, 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến toàn trình; tăng tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến và thanh toán không dùng tiền mặt.
- Đẩy mạnh ứng dụng dữ liệu số, trí tuệ nhân tạo trong hoạt động quản lý nhà nước; nâng cao hiệu quả Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp.
- Phát triển mạnh doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa; khuyến khích khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.
- Thu hút có chọn lọc các dự án đầu tư trong và ngoài nước, ưu tiên dự án công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp chế biến, chế tạo, logistics, dịch vụ chất lượng cao.
- Nâng cao hiệu quả hoạt động của các khu công nghiệp, cụm công nghiệp; bảo đảm quỹ đất sạch, hạ tầng đồng bộ để sẵn sàng tiếp nhận dự án đầu tư.
- Gắn cải thiện môi trường đầu tư với phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ công nghiệp, chuyển đổi số và khoa học, công nghệ.
- Tăng cường liên kết giữa cơ sở đào tạo với doanh nghiệp; gắn đào tạo với nhu cầu thị trường lao động.
- Đẩy mạnh liên kết vùng, hợp tác phát triển với Hà Nội và các tỉnh trong khu vực.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ, NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

1. Tiếp tục đổi mới công tác chỉ đạo, điều hành

a) Đổi mới tư duy và nâng cao trách nhiệm người đứng đầu: Xây dựng văn hóa "Chính quyền phục vụ", chuyển từ tư duy "cho phép, cấp phép" sang tư duy "đồng hành cùng doanh nghiệp". Lãnh đạo các cấp phải coi thành công của doanh nghiệp là thành công của tỉnh; cá thể hóa trách nhiệm bằng việc gắn kết quả cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu sở, ngành, địa phương; thiết lập đường dây nóng trực tiếp, duy trì và vận hành thực chất các

kênh tiếp nhận phản hồi (Zalo, Hotline, Email) đến lãnh đạo tỉnh để xử lý "nóng" các điểm nghẽn.

b) Xác định trách nhiệm của người đứng đầu; công khai trách nhiệm và cam kết của các cấp chính quyền trong việc lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết thủ tục hành chính, hỗ trợ doanh nghiệp và nhà đầu tư trong quá trình gia nhập thị trường và đầu tư kinh doanh trên địa bàn.

c) Tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính; đẩy mạnh kiểm tra, giám sát đối với việc thực thi công vụ của cán bộ, công chức, nhất là các vị trí nhạy cảm, dễ phát sinh tiêu cực; kiên quyết điều động sang vị trí khác, xử lý nghiêm cán bộ, công chức có hành vi gây phiền hà, sách nhiễu doanh nghiệp, vi phạm các quy định, quy trình, thủ tục gây ảnh hưởng xấu đến môi trường đầu tư kinh doanh.

d) Duy trì, đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả các hội nghị gặp gỡ, đối thoại giữa lãnh đạo tỉnh, các sở, ngành, địa phương với Hiệp hội, các hội doanh nghiệp, doanh nhân. Tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổ công tác của tỉnh trong việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các nhà đầu tư, doanh nghiệp; giải quyết dứt điểm các vướng mắc của doanh nghiệp, công khai kết quả và theo dõi, giám sát chặt chẽ quá trình giải quyết các kiến nghị của doanh nghiệp.

2. Cải cách hành chính, chuyển đổi số và xây dựng chính quyền hiện đại, minh bạch

a) Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ về Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030. Hằng năm, xây dựng kế hoạch cải cách hành chính đảm bảo toàn diện, đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, đi vào chiều sâu, thiết thực, hiệu quả. Thường xuyên khảo sát sự hài lòng của doanh nghiệp, nhà đầu tư thông qua Hệ thống tương tác giữa người dân - chính quyền - doanh nghiệp có sự giám sát của HĐND tỉnh và MTTQ tỉnh, lấy sự hài lòng của doanh nghiệp, nhà đầu tư làm thước đo đánh giá chất lượng hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước.

b) Tập trung rà soát, đề nghị cắt giảm, đơn giản hóa TTHC theo Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ. Công khai thủ tục hành chính đầy đủ, kịp thời, đúng quy định tại Trung tâm phục vụ hành chính công và bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của các cấp. Nội dung hướng dẫn thủ tục hành chính phải bảo đảm chính xác, đầy đủ, cụ thể để doanh nghiệp, nhà đầu tư dễ dàng thực hiện.

c) Triển khai cơ chế “Luồng xanh 24 giờ” và “Luồng xanh 60%” trong xử lý thủ tục hành chính đối với các dự án trọng điểm trên địa bàn tỉnh để cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh.

d) Tập trung xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số nhằm cung cấp thủ tục hành chính trực tuyến toàn trình, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước. Tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của “Đề án phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030” của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

đ) Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan ngành dọc và cơ quan chuyên môn trong giải quyết TTHC cho nhà đầu tư. Phân cấp, phân quyền rõ ràng; xác định rõ chức năng, thẩm quyền của các cấp chính quyền; xây dựng chính quyền cơ sở gần dân, sát dân, có trách nhiệm, công khai, minh bạch.

e) Tập trung cải thiện chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Tuyển chọn, đào tạo, nâng cao phẩm chất, năng lực, đạo đức, tính chuyên nghiệp để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước trong giai đoạn mới, nhất là đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công; bộ phận một cửa các cấp và tại các phòng, ban, đơn vị thường xuyên tiếp xúc, giải quyết hồ sơ, thủ tục cho nhà đầu tư.

g) Xây dựng cơ chế kiểm tra, giám sát việc thực hiện TTHC của các sở, ngành, địa phương; hằng tháng, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh các đơn vị có nhiều hồ sơ trả lại, bổ sung, xin rút hoặc chậm, muộn. Đề xuất với Chủ tịch UBND tỉnh phê bình, nhắc nhở các đơn vị thực hiện chậm trễ, có ý kiến phản ánh của doanh nghiệp, nhà đầu tư.

h) Xây dựng, vận hành tốt chương trình, kế hoạch thực hiện cải cách hành chính nâng cao Chỉ số quản trị công cấp tỉnh (PAPI), Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX, Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS); tiếp tục triển khai đánh giá năng lực điều hành cấp sở, ngành và địa phương trên địa bàn tỉnh (DDCI) theo các Quyết định, Kế hoạch của UBND tỉnh đã ban hành; căn cứ kết quả PCI công bố hằng năm thực hiện việc rà soát toàn bộ các chỉ số thành phần của chỉ số PCI để có các giải pháp khắc phục những hạn chế, yếu kém, đặc biệt là quyết liệt cải thiện các chỉ số thành phần có điểm số còn thấp và các chỉ số thành phần trọng số cao, có ảnh hưởng lớn đến tổng điểm PCI.

3. Tập trung đầu tư và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ thu hút đầu tư

- Phát huy vai trò của đầu tư nhà nước cũng như đa dạng nguồn lực đầu tư (*công, tư, ODA*), có trọng tâm, trọng điểm (*giao thông liên vùng, số hóa, logistics, khu công nghiệp, cụm công nghiệp*), kết hợp quy hoạch đồng bộ, cải cách thể chế thủ tục và đẩy mạnh PPP, nhằm tạo kết nối thông suốt, giảm chi phí, nâng cao năng lực cạnh tranh, thực hiện theo phương châm "vốn công dẫn dắt vốn tư" và "Nhà nước hỗ trợ, Nhân dân làm"; Áp dụng cơ chế ưu đãi

theo đúng quy định của pháp luật để xây dựng hạ tầng kỹ thuật các khu vực trọng điểm, có lợi thế để phát triển các khu, cụm công nghiệp. Để công tác tập trung xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ thu hút đầu tư trong giai đoạn tới cần thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp sau:

a) Về hạ tầng giao thông

- Tập trung xây dựng hệ thống hạ tầng giao thông, Logistics đồng bộ, đẩy mạnh liên kết vùng, mở rộng không gian phát triển giữa các khu vực trong tỉnh, giữa tỉnh với các vùng lân cận, tạo sức lan tỏa, khai thác hiệu quả tiềm năng kinh tế, nhân lực, tài nguyên, triển khai các dự án có tính lan tỏa cao và tăng cường liên kết vùng, mở rộng không gian phát triển theo quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn 2050.

- Tổ chức thực hiện hiệu quả các nguồn lực ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh xây dựng các công trình giao thông trọng điểm (các tuyến đường kết nối các tỉnh, các vùng kinh tế trọng, các khu, cụm công nghiệp), bao gồm: Tuyến đường kết nối Thái Nguyên với các tỉnh Tuyên Quang, Lạng Sơn, Cao Bằng; đường Hồ Núi Cốc; hoàn thành đầu tư dự án cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên - Chợ Mới, Chợ Mới - Bắc Kạn; Bắc Kạn – Ba Bể - Na Hang (Tuyên Quang); đầu tư xây dựng đường Vành đai V, cao tốc Thái Nguyên (Bắc Kạn) - Cao Bằng theo quy hoạch; cao tốc Lạng Sơn - Thái Nguyên - Tuyên Quang...

- Chỉ đạo quyết liệt, phân công rõ trách nhiệm để giải quyết vướng mắc, nhằm đẩy nhanh tiến độ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phục vụ công tác giải phóng mặt bằng đến khởi công, thi công đảm bảo chất lượng, tiến độ; giám sát chặt chẽ, giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc; tập trung, phấn đấu khởi công, khánh thành các dự án quan trọng của tỉnh đúng, vượt tiến độ đã đề ra.

b) Về hạ tầng Khu, cụm công nghiệp

- *Hạ tầng khu công nghiệp:*

+ Hoàn thiện hạ tầng các khu công nghiệp theo quy hoạch, phát triển các khu công chuyên ngành gắn với tăng trưởng xanh và kinh tế tuần hoàn. Đẩy mạnh thu hút các dự án công nghệ cao, có tác động lan tỏa, gắn với chuyển giao công nghệ, đào tạo nhân lực và phát triển chuỗi cung ứng nội địa.

+ Hỗ trợ các dự án trong các khu công nghiệp sớm hoàn thành các thủ tục đất đai, xây dựng để đi vào hoạt động sản xuất. Thường xuyên nắm bắt tình hình, kịp thời cung cấp thông tin, hỗ trợ doanh nghiệp duy trì sản xuất, đẩy mạnh xuất khẩu hoàn thành kế hoạch năm.

+ Tập trung mời gọi các nhà đầu tư, huy động nguồn vốn từ doanh nghiệp để đầu tư kết cấu hạ tầng khu công nghiệp và nhà ở công nhân, xử lý chất thải. Giai đoạn 2026 - 2030, tiếp tục đầu tư hoàn thành các khu công nghiệp: Khu công nghiệp Sông Công II giai đoạn II; Khu công nghiệp Yên

Bình 2 ; Khu công nghiệp Yên Bình 3; Khu công nghiệp Phú Bình; Khu công nghiệp Thượng Đình; Khu công nghiệp Thanh Bình giai đoạn II.

- *Hạ tầng cụm công nghiệp*: Đầu tư hoàn thiện hạ tầng các cụm công nghiệp đang còn dở dang nhất là các hạng mục về giao thông, hệ thống cấp nước và xử lý nước thải tại các cụm công nghiệp; đa dạng hóa các phương thức đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp; khuyến khích huy động nguồn lực tư nhân và hình thức đối tác công - tư trong xây dựng, phát triển cụm công nghiệp.

c) Thực hiện công khai thông tin các quy hoạch về xây dựng, về phát triển công nghiệp, thương mại, quy hoạch chi tiết các cụm công nghiệp,...giúp người dân và doanh nghiệp tiếp cận nhanh để nghiên cứu, xác định sớm địa điểm, diện tích và sự phù hợp cho việc quyết định đầu tư các dự án vào tỉnh. Bên cạnh đó, triển khai tốt công tác quản lý quy hoạch, tránh chồng chéo việc quản lý quy hoạch và mục đích sử dụng đất giữa các ngành, các địa phương.

d) Mời gọi các nhà đầu tư có năng lực đầu tư các dự án vào hạ tầng cụm công nghiệp để tạo quỹ đất sạch thu hút đầu tư; bảo đảm lợi ích hài hòa giữa nhà nước với người dân, nhà nước với nhà đầu tư khi thực hiện các chính sách bồi thường giải phóng mặt bằng để đầu tư các công trình cụm công nghiệp. Mở rộng các hình thức mời gọi đầu tư, xây dựng cơ chế khuyến khích đầu tư theo hình thức đối tác công tư và ưu tiên bố trí vốn đối ứng cho các dự án này. Thu hút vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng ngoài hàng rào các cụm công nghiệp; kiểm soát tốt các dự án xử lý chất thải tập trung, đảm bảo vệ sinh môi trường trong và ngoài hàng rào các cụm công nghiệp.

đ) Nâng cao tính phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước và địa phương trong việc hỗ trợ doanh nghiệp triển khai nhanh chóng công tác giải phóng mặt bằng, giao đất cho doanh nghiệp; nâng cao trách nhiệm và cam kết của các địa phương, phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội trong việc nâng cao nhận thức của nhân dân về công tác bồi thường giải phóng mặt bằng nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án và giải ngân vốn đầu tư. Tiếp tục phối hợp giám sát chặt chẽ, đôn đốc, tạo điều kiện thuận lợi trong triển khai các dự án đầu tư nhất là các dự án đầu tư trọng điểm, dự án của nhà đầu tư có quy mô và tổng vốn đầu tư lớn, dự án đầu tư lĩnh vực tạo giá trị cao, dự án sử dụng nhiều lao động...trên địa bàn tỉnh.

4. Nâng cao năng lực xúc tiến, thu hút đầu tư và dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp

Đổi mới, nâng cao hiệu quả xúc tiến và thu hút đầu tư, tập trung mời gọi các nhà đầu tư có tiềm năng, sử dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến, có tầm ảnh hưởng lớn ở các khu vực, nền kinh tế hiện đại; thường xuyên tổ chức đối thoại với doanh nghiệp bằng nhiều hình thức khác nhau để kịp thời nắm bắt, tháo gỡ

những khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn cản trở hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết các thủ tục đầu tư góp phần tạo sự thân thiện, an toàn, minh bạch hơn trong môi trường kinh doanh trên địa bàn. Để thực hiện tốt công tác xúc tiến, thu hút đầu tư và dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp cần thực hiện một số giải pháp sau:

- Nghiên cứu tiềm năng, thị trường, xu hướng và đối tác đầu tư: Triển khai tích cực công tác thu thập thông tin, nghiên cứu tiềm năng, thị trường; tìm kiếm làn sóng, xu hướng đầu tư mới, nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, tập đoàn đặc biệt là với các doanh nghiệp, tập đoàn đang có hướng chuyển dịch đầu tư sang khu vực Châu Á; tăng cường công tác khảo sát, làm việc với doanh nghiệp, nhà đầu tư trong nước và nước ngoài để quảng bá nhằm xúc tiến đầu tư tại chỗ, thu hút mở rộng các nguồn vốn và quy mô dự án của nhà đầu tư phù hợp với lĩnh vực ưu tiên thu hút đầu tư của tỉnh; tập trung thu hút các nhà đầu tư là các quốc gia có nền kinh tế tiên tiến, công nghệ cao, công nghệ mới: Liên minh Châu Âu, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Nga, Ấn Độ, Úc,...bằng các hình thức trực tiếp và trực tuyến.

- Xây dựng hình ảnh, tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu về môi trường, chính sách, tiềm năng và cơ hội đầu tư: Tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư tại các thị trường trọng điểm thông qua Đại sứ quán Việt Nam tại nước ngoài, Hiệp hội doanh nghiệp người Việt ở các nước... Gắn kết hoạt động xúc tiến đầu tư với các hoạt động xúc tiến thương mại, xúc tiến du lịch và các hoạt động đối ngoại của tỉnh; tham gia các đoàn xúc tiến đầu tư, thương mại do các Bộ, ngành, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) tại các thị trường trong nước và quốc tế tổ chức; phối hợp chặt chẽ với các cơ quan báo chí của các Bộ, ngành trong việc xây dựng chuyên mục Xúc tiến đầu tư, làm phóng sự, các chuyên đề báo chí nhằm quảng bá hình ảnh, cơ chế chính sách và môi trường đầu tư của tỉnh. Đẩy mạnh thông tin truyền thông trên các nền tảng ứng dụng công nghệ: Youtube, Facebook, Zalo, các Website của các Sở, ban, ngành,...liên kết website xúc tiến đầu tư của tỉnh với các trang website xúc tiến đầu tư của các địa phương và của các Bộ, ngành.

- Hỗ trợ, hướng dẫn, tạo thuận lợi cho hoạt động đầu tư: Đẩy mạnh công tác đối thoại trực tiếp, trực tuyến giữa chính quyền tỉnh; các sở, ban, ngành với cộng đồng doanh nghiệp, nhà đầu tư và các tổ chức chính trị, xã hội để nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của người lao động, nhà đầu tư, qua đó kịp thời đề ra các giải pháp, cách thức để giải quyết tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc; siết chặt kỷ luật, kỉ cương hành chính công vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức trực tiếp giải quyết công việc cho người dân, nhà đầu tư. Qua

đó tạo niềm tin cho nhà đầu tư với một môi trường kinh doanh thân thiện, hiệu quả; đẩy nhanh công tác giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất sạch cho các nhà đầu tư triển khai dự án đặc biệt là các dự án lớn, có tính lan tỏa.

- Xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu phục vụ cho hoạt động xúc tiến đầu tư: Triển khai có hiệu quả dịch vụ công trực tuyến, nâng cấp hệ thống thông tin và số hóa các dữ liệu về các quy hoạch của tỉnh về đất đai, khu cụm công nghiệp, nông lâm nghiệp, thông tin về đầu tư, hạ tầng kỹ thuật...; quy định pháp luật, chính sách, cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp; thủ tục về đầu tư, môi trường, tạo điều kiện hỗ trợ cho các nhà đầu tư tìm hiểu môi trường đầu tư, lập và triển khai dự án đầu tư tại tỉnh; liên tục cập nhật công khai về các cơ sở dữ liệu xúc tiến đầu tư tỉnh Thái Nguyên với nhiều thông tin được cập nhật: Quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết, hiện trạng, vị trí, tính chất ngành nghề, giá thuê đất, điện, nước.... danh sách các nhà đầu tư hạ tầng, nhà đầu tư thứ cấp để cung cấp thông tin cơ sở dữ liệu xúc tiến đầu tư phục vụ cho hoạt động xúc tiến đầu tư của tỉnh.

- Xây dựng danh mục dự án thu hút đầu tư: Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường rà soát, đề xuất, xây dựng, tham mưu, ban hành Danh mục dự án ưu tiên mời gọi đầu tư theo đúng quy hoạch, theo từng lĩnh vực giúp cho các nhà đầu tư dễ dàng trong việc nghiên cứu, lựa chọn, tìm hiểu đầu tư.

- Xây dựng các ấn phẩm, tài liệu phục vụ cho hoạt động xúc tiến đầu tư: Các cơ quan chuyên môn thường xuyên cập nhật, bổ sung thông tin của bộ tài liệu xúc tiến đầu tư phù hợp với tình hình thực tiễn từng thời điểm cũng như nhu cầu, lĩnh vực đầu tư của các đối tác nghiên cứu đầu tư tại tỉnh. Các tài liệu luôn được làm mới, bổ sung, trình bày ở nhiều dạng ngôn ngữ khác nhau (Việt, Anh, Nhật, Hàn, Trung) giúp các nhà đầu tư dễ dàng tiếp cận. Bên cạnh đó các loại hình quà tặng, đồ lưu niệm mang tính đặc trưng của tỉnh cũng liên tục được nghiên cứu, làm mới, tạo ấn tượng cho nhà đầu tư; các cơ quan chuyên môn xây dựng các Video Clip giới thiệu quảng bá, tiềm năng của tỉnh; Bản đồ quy hoạch về các lĩnh vực của tỉnh, tờ rơi... Các mã QR CODE được in/đính kèm trên các bộ tài liệu xúc tiến đầu tư giúp để các doanh nghiệp, nhà đầu tư tiếp cận thông tin một cách nhanh chóng, tiện lợi.

- Đào tạo, tập huấn, tăng cường năng lực về xúc tiến đầu tư: Tiếp tục triển khai các lớp bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác xúc tiến đầu tư về ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong công việc, tăng cường kỹ năng xúc tiến đầu tư, tư vấn đầu tư; quản trị Website, thuyết trình dự án; xây dựng nội dung tài liệu quảng bá xúc tiến đầu tư; hệ thống hóa, số hóa các thông tin phục vụ công tác xúc tiến đầu tư; tổ chức các đoàn công tác xúc tiến đầu tư, học tập kinh nghiệm về xúc tiến đầu tư tại một số tỉnh, thành phố có thành tích cao trong công tác thu hút, xúc tiến đầu tư. Bên cạnh đó cử cán bộ, công

chức tham gia giao ban, tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ do các Bộ, ngành liên quan tổ chức nhằm nâng cao năng lực, kỹ năng, cập nhật kiến thức, xu thế và cách thức thu hút đầu tư.

- Hợp tác trong nước và quốc tế về xúc tiến đầu tư: Phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ban, ngành Trung ương và các tỉnh trên cả nước; các hội, hiệp hội doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh để tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư có hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm. Phối hợp với các tỉnh trong vùng trung du miền núi phía Bắc triển khai các chương trình hợp tác, hội chợ thương mại, du lịch để tạo liên kết vùng, ngành, lĩnh vực. tiếp tục củng cố niềm tin và làm sâu sắc hơn mối quan hệ hợp tác ngoại giao kinh tế với các địa phương, tổ chức nước ngoài đã có quan hợp tác với tỉnh thông qua các hoạt động hợp tác cụ thể, phù hợp, đặc biệt là thu hút đầu tư trong các lĩnh vực nông lâm nghiệp, thương mại, du lịch, giáo dục, đào tạo nghề, lao động, xuất khẩu lao động...

5. Đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động cho nhà đầu tư

Tiếp tục xây dựng kế hoạch, chương trình hỗ trợ phát triển thị trường lao động trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đến năm 2030. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, trọng tâm là đào tạo, bồi dưỡng, chuẩn hóa về trình độ, kỹ năng đội ngũ nhân lực chất lượng cao và công nhân lành nghề có tác phong công nghiệp nhằm phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường lao động, góp phần huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng hiện đại, bảo đảm kết nối thị trường lao động trong tỉnh với thị trường lao động trong nước và với các nước trong khu vực và quốc tế, tập trung các nhiệm vụ, giải pháp sau:

a) Xây dựng hoàn thiện các Chương trình, Đề án, Kế hoạch về thị trường lao động phát triển theo hướng hiện đại

- Rà soát, đề xuất sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về cung - cầu lao động, kết nối cung - cầu lao động để phù hợp với quy luật của thị trường lao động, lợi ích chính đáng, hợp pháp của người lao động và người sử dụng lao động.

- Tiếp tục tham mưu, đề xuất và triển khai thực hiện các chương trình, đề án, kế hoạch của Trung ương, của tỉnh hỗ trợ tạo việc làm, tham gia thị trường lao động cho các nhóm lao động tại địa phương (sinh viên mới tốt nghiệp các trường đại học và hệ thống cơ sở giáo dục nghề nghiệp; người khuyết tật; người lao động dân tộc thiểu số; lao động nữ; quân nhân xuất ngũ; người chấp hành xong hình phạt tù, được đặc xá, tha tù trước thời hạn có điều kiện; lao động khu vực nông thôn; học sinh).

b) Hỗ trợ phát triển cung - cầu lao động

- Triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng kiến thức pháp luật về lao động, việc làm, bồi dưỡng kỹ năng nghề trước khi đi làm cho học sinh, sinh viên mới tốt nghiệp; các chương trình đào tạo nâng cao kỹ năng cho lao động trong quá trình làm việc phù hợp với tính chất đặc thù của từng đối tượng lao động. Khuyến khích người sử dụng lao động tham gia vào quá trình giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp.

- Xây dựng các chương trình đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng lao động dựa trên các tiêu chuẩn kỹ năng nghề, ứng dụng khoa học công nghệ số; nghiên cứu xây dựng chính sách hỗ trợ đào tạo, nâng cao kỹ năng nghề cho các nhóm lao động đặc thù. Khuyến khích tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số ngắn hạn theo hình thức thường xuyên, linh hoạt cho người lao động.

- Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng công nghệ thông tin cho học sinh THCS, THPT theo chương trình phù hợp nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng cơ bản để bước vào thị trường lao động.

- Nghiên cứu xây dựng chính sách thu hút nhân tài phù hợp với điều kiện của tỉnh, trong đó chú trọng chính sách về nhà ở, lương thưởng, điều kiện sinh hoạt, làm việc nhằm thu hút và giữ chân các chuyên gia, các nhà khoa học, nhà quản lý có trình độ cao.

- Khuyến khích doanh nghiệp, Hiệp hội doanh nghiệp chủ động tham gia vào quá trình giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp để chương trình nội dung đào tạo gắn liền với thực tiễn, đào tạo theo vị trí việc làm, theo nhu cầu thị trường lao động, đồng thời doanh nghiệp sẽ tham gia vào xây dựng chương trình đào tạo và giám sát cả quá trình đào tạo.

- Rà soát, đơn giản hóa thủ tục về chuyển đổi hộ kinh doanh thành doanh nghiệp; có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trong thu, nộp và hoàn thuế để nâng cao hiệu quả công tác hỗ trợ cho các doanh nghiệp được chuyển đổi từ hộ kinh doanh.

c) Hỗ trợ phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động, kết nối cung - cầu lao động

- Hoàn thiện hệ thống thông tin thị trường lao động làm cơ sở để kết nối cung - cầu lao động, cụ thể:

+ Hằng năm xây dựng kế hoạch, thống nhất quy trình, phương pháp và tổ chức thực hiện thu thập, cập nhật, lưu trữ, tổng hợp dữ liệu về thông tin thị trường lao động theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ, đáp ứng yêu cầu tổng hợp, hoàn thiện và quản lý, khai thác hệ thống thông tin thị trường lao động của tỉnh. Tập trung xây dựng cơ sở dữ liệu về cung - cầu lao động, việc làm, người lao động, người sử dụng lao động; kết nối, chia sẻ với cơ sở dữ liệu dân cư, đăng ký doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội.

+ Tổ chức cung cấp, phổ biến thông tin thị trường lao động đến các tổ chức, cá nhân bằng nhiều hình thức như: Cung cấp tài liệu tuyên truyền, tập

huân, diễn đàn, phiên giao dịch việc làm, các trang mạng xã hội, Website, ứng dụng trên các thiết bị di động thông minh, xây dựng Chuyên trang “Phát triển thị trường lao động và việc làm” trên các phương tiện thông tin đại chúng để các tổ chức, cá nhân được cung cấp và tiếp nhận thông tin về thị trường lao động đầy đủ, chính xác và kịp thời.

+ Kết nối, truyền tải, chia sẻ dữ liệu về lao động, việc làm giữa các địa phương trong tỉnh và kết nối cơ sở dữ liệu thông tin thị trường lao động quốc gia.

- Thiết kế chương trình hướng nghiệp đa dạng về đối tượng, nội dung và hình thức, linh hoạt địa điểm; đào tạo đội ngũ nhân sự tham gia tổ chức định hướng nghề nghiệp cho học sinh, sinh viên.

- Phát triển hệ thống giao dịch việc làm:

+ Nâng cao năng lực và tổ chức thực hiện hiệu quả các hoạt động của Sàn giao dịch việc làm, kết nối thông tin, phân tích, dự báo thị trường lao động của tỉnh, kết nối cung - cầu lao động tỉnh Thái Nguyên với các địa phương trong khu vực và cả nước.

+ Đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ nhân sự làm công tác dịch vụ việc làm về kiến thức, kỹ năng thu thập, xử lý, khai thác thông tin thị trường lao động phục vụ cho hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm.

d) Hỗ trợ phát triển lưới an sinh và bảo hiểm

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao khả năng tiếp cận và mức độ tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của người lao động, góp phần bảo đảm an sinh, ổn định đời sống và duy trì hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Phát huy vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị xã hội tỉnh, các hội, hiệp hội trên địa bàn tỉnh trong việc phát triển hội viên, tăng cường kết nối, trao đổi thông tin giữa người lao động trong cùng lĩnh vực; qua đó nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động và góp phần thực hiện hiệu quả các chính sách phát triển nguồn nhân lực.

- Rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cơ chế hỗ trợ về hành chính, pháp lý nhằm tạo thuận lợi cho người lao động tham gia các chương trình an sinh xã hội tự nguyện, bao gồm bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.”

đ) Hỗ trợ kết nối thị trường lao động trong và ngoài tỉnh, phát triển các thị trường lao động đặc thù

- Triển khai, phổ biến các hệ thống chứng nhận nghề, kỹ năng nghề theo tiêu chuẩn quốc tế hỗ trợ người lao động tham gia các thị trường lao động trong và ngoài tỉnh.

- Thực hiện có hiệu quả các chính sách của Trung ương về phát triển thị trường lao động; nghiên cứu xây dựng chính sách của tỉnh hỗ trợ phát triển các thị trường lao động đặc thù, đặc biệt là phát triển thị trường lao động khu vực nông thôn, đồng bào dân tộc thiểu số, thị trường lao động trình độ cao.

e) Nâng cao hiệu quả tổ chức, vận hành thị trường lao động

- Tiếp tục sắp xếp, đổi mới tổ chức và quản lý nhà nước về việc làm và thị trường lao động, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị, tổ chức dịch vụ việc làm và thị trường lao động theo hướng thống nhất, rõ ràng về chức năng nhiệm vụ và cơ chế phối hợp.

- Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về pháp luật lao động, quan hệ lao động và trách nhiệm, lợi ích của các đối tác xã hội trong việc nâng cao chất lượng, hiệu quả, năng suất và tính cạnh tranh của nền kinh tế.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, chế tài xử lý đối với những hành vi vi phạm quy định pháp luật về lao động, đặc biệt về ký kết hợp đồng lao động, đóng bảo hiểm xã hội và các chế độ an sinh xã hội khác cho người lao động.

- Tổ chức các hoạt động hội thảo; học tập trao đổi chia sẻ kinh nghiệm về tổ chức, vận hành, quản trị thị trường lao động.

6. Đảm bảo ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội

- Bảo đảm an ninh, trật tự cho môi trường đầu tư: Chủ động nắm tình hình và triển khai công tác công an bảo đảm an ninh tại các khu công nghiệp (Yên Bình, Sông Công, Diềm Thụy, Nam Phổ Yên...); các dự án đầu tư trọng điểm và doanh nghiệp FDI lớn.

- Phòng ngừa, đấu tranh với hành vi gây phiền hà, những nhiễu loạn doanh nghiệp; công khai đường dây nóng và công tiếp nhận phản ánh doanh nghiệp về hành vi tiêu cực, những nhiễu loạn khi giải quyết thủ tục hành chính.

- Đẩy mạnh việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến, toàn trình và một phần trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công Bộ công an; thực hiện rà soát, kiến nghị cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh, thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động kinh doanh; phấn đấu giảm 50% thời gian giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Tăng cường bảo đảm an ninh mạng và an toàn thông tin: Bảo vệ hạ

tăng số của tỉnh, các công dữ liệu đầu tư, hệ thống thông tin của doanh nghiệp FDI; hướng dẫn doanh nghiệp xây dựng mô hình an ninh mạng cơ bản, phòng ngừa tấn công mạng và rò rỉ dữ liệu; tăng cường kiểm tra, xử lý các hành vi lừa đảo trực tuyến, tin dụng đen, gian lận thương mại điện tử.

- Hỗ trợ, đồng hành cùng doanh nghiệp: Tổ chức các Hội nghị, Diễn đàn “Công an lắng nghe doanh nghiệp” định kỳ 02 lần/năm; phối hợp với các sở, ngành của tỉnh, Hiệp hội Doanh nghiệp để kịp thời tháo gỡ vướng mắc pháp lý, đảm bảo an toàn pháp lý cho nhà đầu tư; cử các đầu mối phụ trách theo các Khu công nghiệp, lĩnh vực đầu tư để hỗ trợ, giải đáp nhanh khi có tình huống phát sinh.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành thực hiện các nhiệm vụ giải pháp để cải thiện các chỉ tiêu thuộc chỉ số thành phần “Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự” và “Chi phí không chính thức”.

Phần thứ tư

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. THỜI GIAN THỰC HIỆN

Đề án thực hiện trong 05 năm (*từ năm 2026 đến năm 2030*).

II. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí triển khai thực hiện Đề án được bố trí từ nguồn ngân sách Nhà nước theo quy định; lồng ghép từ nguồn kinh phí thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án có liên quan; nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước từ các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước, các nguồn hợp pháp khác.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Đề án bảo đảm chất lượng, hiệu quả, thống nhất trong hành động, phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị, người dân và cộng đồng doanh nghiệp.

2. Các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy chỉ đạo, tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Đề án đến toàn thể cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân; xây dựng chương trình, kế hoạch tổ chức thực hiện bảo đảm phù hợp, hiệu quả, thống nhất, đồng bộ, sát với tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương; thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát, đánh giá, định kỳ báo cáo Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện.

3. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng và ban hành kế hoạch thực hiện Đề án với các nhiệm vụ, giải pháp, lộ trình phù hợp và phân công cụ thể trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện; chỉ đạo các sở, ban, ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện và kịp thời tham mưu điều chỉnh các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể phù hợp với yêu cầu thực tế, bảo đảm thực hiện Đề án có hiệu quả; định kỳ sáu tháng báo cáo Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy kết quả thực hiện Đề án trên địa bàn tỉnh. Năm 2028 tham mưu tổ chức sơ kết việc thực hiện Đề án, năm 2030 tổng kết việc thực hiện Đề án.

4. Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh lãnh đạo Đảng ủy Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo Hội đồng nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách khuyến khích, tạo cơ sở pháp lý thuận lợi để cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh.

5. Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh tổ chức tuyên truyền sâu rộng, tạo sự đồng thuận trong cộng đồng doanh nghiệp và người dân để cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, vận động nhân dân, doanh nghiệp tư nhân tham gia triển khai các nhiệm vụ của đề án; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng cơ chế, chính sách theo quy định.

6. Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy theo chức năng nhiệm vụ được giao phối hợp với Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc triển khai thực hiện Đề án; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

7. Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định việc điều chỉnh, bổ sung các nhiệm vụ cụ thể trong Đề án khi cần thiết để phù hợp với tình hình thực tiễn, đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Thái Nguyên.

Nơi nhận:

- Các Ban xây dựng Đảng TW (*báo cáo*),
- Văn phòng Trung ương Đảng (*báo cáo*),
- Đảng ủy Bộ Tài chính,
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Thường trực HĐND, Lãnh đạo UBND tỉnh,
- Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh,
- Các cơ quan tham mưu giúp việc Tỉnh ủy,
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh,
- Các Đảng bộ trực thuộc,
- Đảng ủy HĐND tỉnh, Đảng ủy MTTQ tỉnh,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

NNMinh/P.TH/200

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC**

Nguyễn Đăng Bình